



CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN MINH PHÚ

Địa Chỉ: 211/10 Tân Quý , P. Tân Quý, Q. Tân Phú, TP.HCM

Điện Thoại: 08.6278.6119

Fax: 08.3559.1857

Email: minhphu.emp@gmail.com

Website: minhphu.net

Hiệu quả lâu dài bắt nguồn từ sự đầu tư đúng



BẢNG GIÁ BÁN VAN - VÒI MINH HOÀ - SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM




VỚI HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN ISO 9001 -2008

Bảng giá có giá trị từ 1/3/2015

ĐVT : VNĐ/C

STT	HÌNH ẢNH	TÊN - QUY CÁCH HÀNG HOÁ	GIÁ CHƯA VAT	GIÁ CÓ VAT	SỐ (CÁI/HỘP)	SỐ (CÁI/THÙNG)
1		Van cửa đồng MIHA - PN 16				
		DN 8	70.000	77.000	10	100
		DN 10	71.000	78.100	10	100
		DN 15	103.500	113.900	10	100
		DN 20	130.500	143.600	10	80
		DN 25	178.000	195.800	6	60
		DN 32	264.500	291.000	4	32
		DN 40	328.500	361.400	4	24
		DN 50	550.500	605.600	2	16
		DN 65	1.070.000	1.177.000	1	10
	DN 80	1.390.000	1.529.000	1	6	

		DN 80	1.999.000	1.929.000	1	9
		DN 100	2.830.000	3.113.000	1	4
2		Van cửa đồng MBV - PN 10				
		DN 15	77.500	85.300	10	100
		DN 20	97.000	106.700	10	80
		DN 25	138.000	151.800	6	60
		DN 32	227.500	250.300	5	40
		DN 40	284.000	312.400	4	24
		DN 50	402.000	442.200	2	16
		DN 65	873.000	960.300	1	10
		DN 80	1.198.000	1.317.800	1	6
		DN 100	1.999.000	2.198.900	1	6
3		Van cửa đồng MI - PN 10				
		DN 15	66.800	73.500	10	100
		DN 20	80.000	88.000	10	80
		DN 25	125.000	137.500	6	60
		DN 32	193.000	212.300	5	40
		DN 40	258.500	284.400	4	24
		DN 50	354.000	389.400	2	16
		DN 65	820.000	902.000	1	10
		DN 80	1.030.000	1.133.000	1	6
		DN 100	1.624.000	1.786.400	1	4

STT	HÌNH ẢNH	TÊN - QUY CÁCH HÀNG HOÁ	GIÁ CHƯA VAT	GIÁ CÓ VAT	SỐ (CÁI/HỘP)	SỐ (CÁI/THÙNG)
4		Van 1 chiều đồng lá lật MIHA - PN 16(có 2 loại đĩa đồng và đĩa đồng đệm NBR)				
		DN 15	58.500	64.400	12	120
		DN 20	84.500	93.000	10	100
		DN 25	135.000	148.500	8	80
		DN 32	199.000	218.900	6	48
		DN 40	327.000	359.700	4	32
		DN 50	468.000	514.800	2	18
		DN 65	900.000	990.000	2	16
		DN 80	1.478.000	1.625.800	1	8
	DN 100	2.132.000	2.345.200	1	6	
5		Van 1 chiều đồng lá lật MBV - PN 10				
		DN 15	41.000	45.100	12	120
		DN 20	55.000	60.500	10	100
		DN 25	92.500	101.800	8	80
		DN 32	163.500	179.900	6	48
		DN 40	216.000	237.600	4	32
		DN 50	354.000	389.400	2	18
		DN 65	645.000	709.500	2	16
		DN 80	890.000	979.000	1	12
	DN 100	1.688.000	1.856.800	1	6	
6		Van 1 chiều đồng lá lật MI - PN 10				
		DN 15	38.000	41.800	12	120



DN 20	51.000	56.100	10	100
DN 25	73.000	80.300	8	80
DN 32	149.500	164.500	6	48
DN 40	189.500	208.500	4	32
DN 50	329.000	361.900	2	18
DN 65	605.000	665.500	2	16
DN 80	841.500	925.700	1	12
DN 100	1.635.000	1.798.500	1	6

7


Van 1 chiều đồng lò xo MIHA - PN 12

DN 15	48.500	53.400	15	180
DN 20	71.000	78.100	15	150
DN 25	101.500	111.700	12	120
DN 32	177.500	195.300	6	60
DN 40	243.000	267.300	6	48
DN 50	319.000	350.900	4	32
DN 65	599.000	658.900	2	12
DN 80	745.000	819.500	1	12
DN 100	1.310.000	1.441.000	1	6






8



Van 1 chiều đồng lò xo MBV - PN 10



DN 15	42.500	46.800	15	180
DN 20	60.500	66.600	15	150
DN 25	86.000	94.600	12	120
DN 32	165.800	182.400	6	60
DN 40	211.200	232.300	6	48





		DN 50	287.600	316.400	4	32
--	--	-------	---------	---------	---	----


STT	HÌNH ẢNH	TÊN - QUY CÁCH HÀNG HOÁ	GIÁ CHƯA VAT	GIÁ CÓ VAT	SỐ (CÁI/HỘP)	SỐ (CÁI/THÙNG)
9		Van bi đồng MIHA 2000 tay bướm - PN 16				
		DN 15	78.500	86.400	12	120
		DN 20	105.500	116.100	10	100
10		Van bi đồng mạ Niken MIHA 2000 tay bướm - PN 16				
		DN 15	86.500	95.200	12	120
		DN 20	116.000	127.600	10	100
11		Van bi đồng ren ngoài MIHA tay gạt - PN 16				
		DN 15	78.500	86.400	12	120
		DN 20	105.500	116.100	10	100
12		Van bi đồng ren ngoài MIHA tay bướm hợp kim - PN 16				
		DN 15	78.500	86.400	12	120
		DN 20	105.500	116.100	10	100
13		Van bi đồng ren trong ren ngoài MIHA tay gạt - PN 16				
		DN 15	78.500	86.400	12	120
		DN 20	105.500	116.100	10	100



						
14		Van bi đồng ren 3 ngã MIHA - PN 16 DN 15	72.000	79.200	8	80
15		Van bi đồng MIHA tay gạt màu đỏ - PN 16 DN 15 DN 20 DN 25 DN 32 DN 40 DN 50 DN 65 DN 80 DN 100	78.500 105.500 169.000 328.000 414.000 604.000 1.286.000 1.588.000 2.762.000	86.400 116.100 185.900 360.800 455.400 664.400 1.414.600 1.746.800 3.038.200	12 10 6 6 4 2 2 2 1	120 100 60 48 32 20 8 8 2
16		Van bi đồng nối ống mềm MIHA - PN 16 DN 15	99.000	108.900	10	100
17		Van bi đồng ren trong ren ngoài MINI hiệu MIHA - PN 16				



	F15 X M 15	42.500	46.800	12	120
---	------------	--------	--------	----	-----

STT	HÌNH ẢNH	TÊN - QUY CÁCH HÀNG HOÁ	GIÁ CHƯA VAT	GIÁ CÓ VAT	SỐ (CÁI/HỘP)	SỐ (CÁI/THÙNG)
18		Van bi đồng MIHA tay gạt màu vàng (dùng cho nước, hơi, ga, xăng, dầu) - PN 16				
		DN 8	67.000	73.700	15	60
		DN 10	68.000	74.800	15	60
		DN 15	87.500	96.300	12	120
		DN 20	130.000	143.000	10	100
		DN 25	190.000	209.000	6	60
		DN 32	352.000	387.200	6	48
		DN 40	466.000	512.600	4	32
		DN 50	705.000	775.500	2	20
		DN 65	1.330.000	1.463.000	2	8
19		Van bi đồng tay gạt MBV - PN 10				
		DN 15	60.000	66.000	12	120
		DN 20	88.000	96.800	10	100
		DN 25	130.500	143.600	6	60
		DN 32	240.000	264.000	6	48
		DN 40	341.500	375.700	4	32
		DN 50	525.000	577.500	2	20
		DN 65	1.040.000	1.144.000	2	8
		DN 80	1.482.000	1.630.200	2	8
		DN 100	2.515.000	2.766.500	1	2





20		Van bi đồng tay bướm MBV - PN 10				
		DN 15	60.000	66.000	12	120
		DN 20	88.000	96.800	10	100
21		Van bi đồng MI - PN 10				
		DN 15	49.000	53.900	12	120
		DN 20	64.000	70.400	10	100
		DN 25	100.000	110.000	6	60
		DN 32	223.500	245.900	6	48
		DN 40	312.000	343.200	4	32
		DN 50	465.000	511.500	2	20
22		Van hơi đồng MIHA - PN 16				
		DN 15	111.000	122.100	10	80
		DN 20	162.000	178.200	10	60
		DN 25	203.000	223.300	6	48
		DN 32	378.000	415.800	4	32
		DN 40	460.000	506.000	4	24
		DN 50	758.000	833.800	1	12
23		Van 1 chiều hơi đồng MIHA - PN 16				
		DN 15	69.000	75.900	12	120
		DN 20	118.000	129.800	10	100
		DN 25	149.000	163.900	8	80
		DN 32	273.000	300.300	6	48
		DN 40	371.000	408.100	4	32
		DN 50	640.000	704.000	2	18
24		Van bi hợp kim TURA tay bướm - PN 10				
		DN 15	40.800	44.900	12	120

25		DN 20	54.000	59.400	10	100	
		Van bi hợp kim TUBO tay bướm - PN 10					
		DN 15	40.800	44.900	12	120	
		DN 20	54.000	59.400	10	100	

STT	HÌNH ẢNH	TÊN - QUY CÁCH HÀNG HOÁ	GIÁ CHƯA VAT	GIÁ CÓ VAT	SỐ (CÁI/HỘP)	SỐ (CÁI/THÙNG)
26		Van bi hợp kim TURA tay gạt - PN 10				
		DN 15	40.800	44.900	12	180
		DN 20	54.000	59.400	12	120
		DN 25	75.800	83.400	8	80
		DN 32	153.500	168.900	6	48
		DN 40	201.800	222.000	4	32
		DN 50	302.000	332.200	2	20
27		Rọ đồng MIHA - PN12				
		DN 15	46.000	50.600	15	150
		DN 20	75.500	83.100	15	150
		DN 25	128.000	140.800	12	72
		DN 32	195.000	214.500	12	72
		DN 40	258.000	283.800	8	48
		DN 50	355.000	390.500	6	36
DN 65	641.000	705.100	2	12		

		DN 80	840.000	924.000	1	12
		DN 100	1.586.000	1.744.600	1	8
28		Rọ đồng MBV - PN 10				
		DN 15	44.000	48.400	15	150
		DN 20	65.500	72.100	15	150
		DN 25	100.000	110.000	12	72
		DN 32	147.500	162.300	12	72
		DN 40	216.000	237.600	8	48
		DN 50	308.000	338.800	6	36
		DN 65	569.900	626.900	2	12
		DN 80	721.600	793.800	1	12
		DN 100	1.255.000	1.380.500	1	8
29		Rọ đồng MI - PN 10				
		DN 20	54.000	59.400	15	150
		DN 25	66.500	73.200	12	72
		DN 32				
		DN 40	165.200	181.700	8	48
		DN 65	384.000	422.400	2	12
		DN 80	494.900	544.400	1	12
	DN 100	1.027.300	1.130.000	1	8	
30		Y lọc đồng MIHA				

	DN 15	62.000	68.200	12	120
	DN 20	102.000	112.200	10	100
	DN 25	162.000	178.200	6	60

STT	HÌNH ẢNH	TÊN - QUY CÁCH HÀNG HOÁ	GIÁ CHƯA VAT	GIÁ CÓ VAT	SỐ (CÁI/HỘP)	SỐ (CÁI/THÙNG)
31		Van phao đồng MIHA - PN 16				
		DN 15	138.000	151.800		100
		DN 20	187.000	205.700		60
		DN 25	256.000	281.600		50
		DN 32	696.000	765.600		20
		DN 40	916.000	1.007.600		20
		DN 50	1.500.000	1.650.000		18
32		Van phao đồng MBV - PN 10				
		DN 15	122.000	134.200		100
		DN 20	159.000	174.900		60
		DN 25	220.000	242.000		60
33		Vòi vườn đồng MIHA - PN 16				
		DN 15	105.000	115.500	10	60
		DN 20	123.000	135.300	10	60
		DN 25	168.000	184.800	8	48
		DN 15*20	106.000	116.600	10	60
34		Vòi thường đồng MIHA - PN 16				

35		DN 15	57.500	63.300	10	60
		Vòi đồng MIHA mạ Niken - PN 16				
		DN 15	115.500	127.100	10	60
		DN 20	140.500	154.600	10	60
36		Vòi máy giặt MIHA - PN 16				
		DN 15	84.700	93.200	10	60
37		Vòi vườn đồng MBV (tay gạt và tay bướm) - PN 10				
		DN 15	71.500	78.700	10	120
		DN 20	89.500	98.500	10	100
38		Vòi vườn đồng MH (tay gạt và tay bướm) - PN 10				
		DN 15	77.000	84.700	10	120
		DN 20	102.000	112.200	10	100
39		Vòi vườn đồng MI - PN 10				
		DN 15	43.500	47.900	10	120
		DN 20	57.000	62.700	10	100
40		Vòi vườn hợp kim DALING - PN 10				
		DN 15	40.500	44.600	10	120
		DN 20	50.700	55.800	10	120
41		Vòi vườn hợp kim TURA - PN 10				
		DN 15	32.500	35.800	10	120

	DN 20	45.000	49.500	10	120
---	-------	--------	--------	----	-----

* 100% sản phẩm được thử áp lực trước khi xuất xưởng. Bảo hành 12 tháng.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN MINH PHÚ

Địa Chỉ: 211/10 Tân Quý , P. Tân Quý, Q. Tân Phú, TP.HCM

Điện Thoại: 08.6278.6119 Fax: 08.3559.1857

Email: minhphu.emp@gmail.com Website: minhphu.net

Hiệu quả lâu dài bắt nguồn từ sự đầu tư đúng